

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	<p>Chủ đầu tư: Công ty Điện lực Hải Phòng - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc. Đại diện là ông: Nguyễn Hữu Hưởng Chức vụ: Giám đốc Địa chỉ: Số 9 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Tài khoản: 2125678996868 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Trần Phú, Hải Phòng Mã số thuế: 0100100417-069</p> <p style="text-align: center;">Điện thoại: 02253515390</p>
E-ĐKC 1.7	Công trình : Theo quy định tại chương V của E-HSMT
E-ĐKC 1.10	<p>Địa điểm công trường tại trụ sở số 9 Trần Hưng Đạo phường Hồng Bàng , TPHP và trụ sở các điện lực khu vực</p> <p>Được xác định trong Bản vẽ số: Hồ sơ bản vẽ thiết kế</p>
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: 90 ngày
E-ĐKC 1.17	<p>Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: ___ <i>[ghi ngày]</i>.</p> <p><i>[Nếu quy định các ngày khác nhau để hoàn thành các phần Công trình (“hoàn thành từng phần” hoặc các mốc hoàn thành) thì phải liệt kê toàn bộ ở đây].</i></p>
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: là ngày có thông báo khởi công của Chủ đầu tư.
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ___ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i> .
E-ĐKC 1.29	<p>- Tư vấn quản lý dự án: _____ <i>[ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn quản lý dự án nếu có];</i></p> <p>- Tư vấn giám sát là: _____ <i>[ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát];</i></p>

	...
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: ___ [<i>Chủ đầu tư điện</i>]
E-ĐKC 2.3(i)	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: _</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng; - Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; - E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT của nhà thầu trúng thầu; - E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT; <p>- Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).</p>
E-ĐKC 5.2	<p>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% giá hợp đồng - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn (trong vòng 150 ngày kể từ ngày phát hành) và Bên nhận thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 28 ngày trước ngày hết hạn, Bên nhận thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.</p> <p>- Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. <p>Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.</p>

	<p>Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p> <p>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm____ [<i>ghi số ngày cụ thể nhà thầu sẽ phải thực hiện gia hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng, thông thường là 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện của nhà thầu hết hiệu lực</i>] ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.</p>
E-ĐKC 5.4	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ tự động hết hiệu lực sau 28 ngày kể từ ngày công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng và Chủ đầu tư nhận được bản gốc Bảo lãnh bảo hành trị giá 5% giá trị hợp đồng cuối cùng.</p> <p>- Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, độc lập chi trả cho Chủ đầu tư và do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5 (%) Giá trị hợp đồng cuối cùng.</p>
E-ĐKC 8.2(d)	<p>Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.</p>
E-ĐKC 8.8(a)	<p>Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 05 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường</p>
E-ĐKC 8.11	<p>Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 01 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.</p>
E-ĐKC 9.3	<p>Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.</p>

E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [<i>ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT</i>].
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng.
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Theo quy định hiện hành
E-ĐKC 19.1	<p>Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm hàng hoá vận chuyển, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu.</p> <p>+ Đối với VTTB cung cấp, lắp đặt cho công trình: Nhà thầu phải chịu trách nhiệm mua bảo hiểm vận chuyển tới chân công trình.</p>
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình và thiết bị 18 tháng, kể từ ngày _____ tháng _____ năm _____
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: Theo quy định tại Chương V của E-HSMT
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là : Ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực.
E-ĐKC 27.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hoặc một khoảng thời gian khác do hai bên tự thoả thuận kể từ khi tranh chấp phát sinh.</p> <p>Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng hoà giải trong vòng 30 ngày kể từ khi phát sinh tranh chấp (hoặc một thời gian khác do 2 bên thoả thuận vào khi tranh chấp phát sinh) tranh chấp sẽ được giải quyết thông qua Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hải Phòng.</p> <p>Quyết định của Tòa án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả 2 bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu án phí.</p> <p>Thời hiệu khởi kiện theo thủ tục trọng tài hoặc thời hiệu khởi kiện lên Tòa án giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật.</p>
B. Quản lý thời gian	

E-ĐKC 28	<p>- Ngày khởi công: _____ [<i>ghi ngày dự định khởi công</i>].</p> <p>- Ngày hoàn thành dự kiến: _____ [<i>ghi ngày hoàn thành dự kiến</i>].</p>
E-ĐKC 29.1	<p>Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng <u>10</u> _____ [<i>ghi số ngày</i>] từ ngày ký Hợp đồng.</p>
E-ĐKC 29.4	<p>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: _____ [<i>ghi thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết</i>].</p> <p>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 3.000.000 VND</p>
E-ĐKC 30.7	<p>Các trường hợp khác: _____ [<i>ghi các trường hợp gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng khác (nếu có)</i>].</p>
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	<p>Vật tư, máy móc, thiết bị : Hàng hoá cung cấp theo hợp đồng phải được Bên A kiểm tra và nghiệm thu, tất cả hàng hoá phải đảm bảo tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật của Hợp đồng và hồ sơ mời thầu.</p> <p>- Trong quá trình kiểm tra, thí nghiệm và nghiệm thu, nếu bất kỳ một chủng loại hàng hóa không đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật theo Bảng thông số kỹ thuật kèm theo Hợp đồng thì Bên A có quyền loại bỏ một phần hoặc cả lô hàng đó và Bên B có trách nhiệm thay thế lô hàng đó bằng lô hàng mới đáp ứng yêu cầu của Hợp đồng. Bên B có trách nhiệm thay thế lô hàng không đáp ứng yêu cầu của Hợp đồng trong vòng 07 ngày làm việc, trong trường hợp Bên B không đáp ứng được việc cung cấp lại hàng hoá thì Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng và tìm nhà cung cấp hàng hoá khác theo đúng chủng loại hàng hoá này để mua, khi đó Bên B phải chịu trách nhiệm về các khoản tiền chênh lệch về đơn giá và các chi phí khác liên quan đến hàng hoá phải thay đổi đó. Việc chậm tiến độ Bên B phải chịu phạt hợp đồng theo quy định của Hợp đồng.</p> <p>- Các chi phí thí nghiệm nghiệm thu đã nằm trong đơn giá hợp đồng.</p>
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	<p>Loại hợp đồng: Đơn giá cố định</p>
E-ĐKC 41.1	<p>Giá hợp đồng: <i>Cố định trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng</i></p> <p><i>Trường hợp hợp đồng có quy định về trượt giá thì chọn phương pháp bù trừ trực tiếp hoặc phương pháp điều chỉnh bằng công thức điều</i></p>

	<p><i>chính trên cơ sở áp dụng chỉ số giá. Phương pháp điều chỉnh giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định rõ trong hợp đồng.</i></p> <p>- Trường hợp áp dụng loại hợp đồng theo kết quả đầu ra:</p> <p><i>Chủ đầu tư đưa ra các nội dung để xác định giá trị thanh toán trên cơ sở kết quả đầu ra như sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Yêu cầu về chất lượng đầu ra và mức độ chất lượng có thể chấp nhận được;</i> + <i>Biện pháp kiểm tra, đánh giá, xác định mức độ đáp ứng về chất lượng của dịch vụ do nhà thầu cung cấp (ví dụ lấy mẫu phân tích);</i> + <i>Mức độ giảm trừ thanh toán hoặc tăng giá trị thanh toán theo kỳ thanh toán;</i> + <i>Các nội dung cần thiết khác.</i>
E-ĐKC 42.1	<p>Tạm ứng: Việc tạm ứng cho Nhà thầu theo hợp đồng sẽ được thực hiện theo các điều khoản và phương pháp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VNĐ). - Hình thức: Chuyển khoản. - Tạm ứng: 20% giá trị hợp đồng trước thuế sẽ được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày khi Chủ đầu tư nhận được các chứng từ sau: <ul style="list-style-type: none"> + Công văn đề nghị tạm ứng của Nhà thầu; + Bảo đảm thực hiện hợp đồng; + Bảo lãnh trả trước do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp và có uy tín tại Việt Nam phát hành có giá trị tương ứng số tiền tạm ứng (Bảo lãnh tạm ứng là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang phải có hiệu lực đến khi thu hồi hết tiền tạm ứng <ul style="list-style-type: none"> + Chứng nhận bảo hiểm vật tư máy móc thi công; bảo hiểm tự nguyện dân sự đối với người thứ 3 + hợp đồng bảo hiểm. - Hoàn trả tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng sẽ được hoàn trả bằng cách khấu trừ đi số tiền theo tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán khối lượng hoàn thành của Nhà thầu theo từng giai đoạn và thu hồi hết giá trị tạm ứng khi khối lượng thanh toán nghiệm thu gói thầu đạt đến 80 % giá trị hợp đồng. <p>Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng</p> <p>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu</p>

	<p>21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả. Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p>
<p>E-ĐKC 44.1</p>	<p>Thanh toán: 90 % giá trị khối lượng hoàn thành trước thuế và 100% thuế VAT trong vòng 30 ngày theo giai đoạn thanh toán trên cơ sở đơn giá hợp đồng và khối lượng nghiệm thu của từng giai đoạn thanh toán (bao gồm cả giá trị tạm ứng), sau khi bên B cung cấp đủ các tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Công văn đề nghị thanh toán: + Hóa đơn GTGT: + Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo phụ lục xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành giai đoạn có đại diện Bên A và đại diện bên B ký và đóng dấu (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng): + Các hồ sơ pháp lý liên quan. <p>- Đối với VTTB:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hồ sơ Chứng chỉ chất lượng, số lượng của hàng hóa (C0/CQ); Chứng chỉ xuất xứ hàng hóa do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất/nước xuất khẩu cấp (C/O) “đối với hàng nhập khẩu từ nước ngoài”, vận đơn sạch(nếu có); + Biên bản thử nghiệm xuất xưởng của nhà sản xuất: áp dụng với các hạng mục: dây dẫn, chuỗi sứ + Biên bản nghiệm thu VTTB tại chân công trình, ký và đóng dấu A-B + Biên bản giao nhận VTTB tại chân công trình, ký và đóng dấu A-B <p>- Đối với phần xây lắp và lắp đặt:</p>

	<p>+ Biên bản nghiệm thu VTTB trước khi đưa đi lắp đặt + Hồ sơ chất lượng + Nhật ký thi công, bản vẽ hoàn công, biên bản nghiệm thu nội bộ, biên bản nghiệm thu công việc và hồ sơ pháp lý kèm theo.</p> <p>Thanh toán 10 % giá trị hợp đồng còn lại: + 05 % giá trị nghiệm thu quyết toán được thanh toán cho Nhà thầu sau khi Nhà thầu hoàn thành công tác xây lắp, đóng điện công trình, có hồ sơ quyết toán giá trị và Nhà thầu phát hành Bảo lãnh bảo hành bằng 5% giá trị hợp đồng. +05 % còn lại được thanh toán cho Nhà thầu sau khi công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán và hai bên thanh lý hợp đồng</p> <p>Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số lần thanh toán: Không quy định</p> <p>Nhà thầu phải đăng ký (bằng văn bản) kế hoạch, thời điểm, giá trị giải ngân gửi Chủ đầu tư trước thời điểm đề nghị giải ngân ít nhất 40 ngày. Nếu nhà thầu không đảm bảo kế hoạch giải ngân theo đăng ký thì sẽ chuyển sang thanh toán tại lần giải ngân tiếp theo hoặc tại thời điểm quyết toán dự án.</p> <p>- Thanh toán chi phí dự phòng: Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng và thanh toán khi có phát sinh khối lượng, công việc thực tế được nghiệm thu và được Chủ đầu tư chấp thuận.</p>
E-ĐKC 45	<p>Điều chỉnh thuế: Không được phép</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5%
E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Theo quy định tại hợp đồng và được các bên hoàn thiện trước khi ký kết.
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	<p>Mức phạt:</p> <p>1. Đối với VTTB cung cấp cho gói thầu: - Phạt chậm tiến độ: Khi Bên B vi phạm nghĩa vụ hoàn thành công tác cung ứng VTTB theo điều khoản về tiến độ thì sẽ bị phạt như sau: Phạt 1% giá trị phần hàng hoá VTTB bị vi phạm cho mỗi tuần, khi nhà thầu</p>

	<p>chậm đến 5 tuần Bên A sẽ xem xét đình chỉ thực hiện phần việc bị vi phạm này và sẽ ký kết hợp đồng với một nhà thầu khác để thực hiện, chi phí cho việc này sẽ được trừ vào giá trị hợp đồng.</p> <p>- Phạt vi phạm chất lượng: Trong thời gian bảo hành theo hợp đồng nếu hàng hoá, VTTB hư hỏng do không đảm bảo về chất lượng thì nhà thầu có trách nhiệm thay thế theo quy định tại điều khoản của bảo hành.</p> <p>- Phạt do thay đổi xuất xứ: nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng, nhà thầu đề nghị thay đổi xuất xứ, chủng loại của hàng hoá thì ngoài việc cung cấp các nguyên nhân và tài liệu liên quan để cho Bên A xem xét và trình cấp có thẩm quyền cho phép thay đổi, trong trường hợp được chấp nhận, nhà thầu còn phải chịu phạt 5% giá trị đã ký kết trong hợp đồng của hàng hoá xin đổi, trừ những trường hợp bất khả kháng.</p> <p>2. Đối với phần xây dựng: Trong trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng theo tiến độ (Ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì bên B sẽ bị phạt những khoản tiền như sau: Chậm trễ 10 ngày đầu phạt 2% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm; Chậm mỗi 10 ngày tiếp theo phạt thêm 1% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm; Tổng số tiền phạt không quá 12% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm.</p> <p>3. Trong trường hợp bên B không thực hiện hợp đồng thì sẽ tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo đảm tạm ứng.</p> <p>4. Các trường hợp vi phạm ngoài việc phải chịu phạt như quy định ở trên, nhà thầu còn phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về bồi thường thiệt hại do vi phạm trực tiếp hay gián tiếp gây ra cho Bên A hoặc Bên thứ 3.</p> <p>5. Mọi trường hợp vi phạm trên được hiểu là do lỗi chủ quan của nhà thầu, các trường hợp này sẽ là cơ sở để Bên A xem xét khả năng, năng lực, uy tín của nhà thầu trong việc tham gia thực hiện các gói thầu khác do Bên A quản lý.</p> <p>6. Nếu 03 lần kiểm tra công trình, bên A phát hiện bên B không có đủ nhân lực bộ máy thi công, máy móc, thiết bị thi công, vật tư thiết bị theo tiến độ cam kết trong hợp đồng và biện pháp, tiến độ tổ chức thi công đã được bên A chấp thuận, bên A có quyền đình chỉ hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bên B còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự vi phạm gây ra.</p> <p>7. Các vướng mắc trong thi công gói thầu, bên A triệu tập bên B họp giải quyết, nếu quá 03 lần, nhà thầu không cử đại diện hợp pháp bên A có quyền đình chỉ hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bên B còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự vi phạm gây ra.</p>
E-ĐKC 49.2	<p>Bồi thường thiệt hại: Áp dụng</p> <p><i>-Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế</i></p>
E-ĐKC 49.3	<p>Thưởng hợp đồng: không áp dụng.</p>

	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: 90 ngày kể từ ngày kể từ ngày có thông báo khởi công công trình
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Bên B phải nộp bản vẽ hoàn công cho cả công trình là 15 ngày kể từ ngày hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. Nếu Chủ đầu tư không nhận được hoặc tài liệu không phù hợp Nhà thầu sẽ phải chịu các chi phí phát sinh.
E-ĐKC 55.2	3.800.000 VNĐ
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 30 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.